

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG**

Đợt thi ngày 04/11/2023

*(Ban hành kèm theo QĐ số 794/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 21 tháng 11 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

I. TIẾNG ANH TƯƠNG ĐƯƠNG TRÌNH ĐỘ B1

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				TỔNG ĐIỂM	Kết quả	Số hiệu	Số vào sổ cấp
								ĐỌC	VIẾT	NGHE	NÓI				
1	TA01	Đặng Thị Phương Anh	04/06/1999	Bắc Giang	Nữ	D-KETOAN10A	20D0471KTO	143	156	148	130	144	B1	B100106	B1/23/106
2	TA02	Nguyễn Thị Mai Anh	10/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	D - QLĐĐ11A	21D0475QLD	157	150	144	130	145	B1	B100107	B1/23/107
3	TA04	Vũ Quốc Ân	02/08/2003	Nam Định	Nam	D - THUY11A	21D0626THY	163	130	152	113	140	B1	B100108	B1/23/108
4	TA05	Phùng Thị Bích	05/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	D - QLĐĐ11A	21D0476QLD	167	135	152	113	142	B1	B100109	B1/23/109
5	TA07	Nguyễn Văn Chiên	01/04/2003	Bắc Ninh	Nam	D - THUY11A	21D0628THY	160	146	144	109	140	B1	B100110	B1/23/110
6	TA08	Nguyễn Thành Công	19/08/2001	Bắc Giang	Nam	D - KINHTE11A	22D0045KTE	160	156	148	142	152	B1	B100111	B1/23/111
7	TA09	Chu Thị Dung	02/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0503KTO	163	162	148	137	152	B1	B100112	B1/23/112
8	TA10	Chu Thế Hải	05/03/2003	Bắc Ninh	Nam	D - THUY11A	21D0633THY	160	144	148	116	142	B1	B100113	B1/23/113
9	TA11	Ngô Thị Thanh Hằng	04/10/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0407KTO	167	148	148	130	148	B1	B100114	B1/23/114
10	TA13	Nguyễn Đình Vân Khang	03/12/2003	Bắc Ninh	Nam	D - QLĐĐ11A	21D0479QLD	167	150	152	142	153	B1	B100115	B1/23/115
11	TA14	Nguyễn Hữu Nam Khánh	06/10/2003	Bắc Ninh	Nam	D - QLĐĐ11A	21D0480QLD	163	152	137	137	147	B1	B100116	B1/23/116
12	TA15	Nguyễn Đức Khiêm	17/05/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0636THY	150	140	148	120	140	B1	B100117	B1/23/117
13	TA16	Vũ Hải Kỳ	18/09/2002	Hà Giang	Nam	D - THUY11A	21D0638THY	163	150	156	133	151	B1	B100118	B1/23/118
14	TA17	Nguyễn Thị Thu Lan	16/10/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0511KTO	157	130	137	137	140	B1	B100119	B1/23/119
15	TA18	Trần Thị Mai Lan	22/01/2002	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	22D0530KTO	160	152	140	120	143	B1	B100120	B1/23/120
16	TA19	Đỗ Thanh Long	01/11/2003	Hà Nội	Nam	D - THUY11A	21D0640THY	163	146	140	120	142	B1	B100121	B1/23/121
17	TA20	Quản Thế Lợi	18/05/2003	Bắc Ninh	Nam	D - QLĐĐ11A	21D0483QLD	157	146	144	113	140	B1	B100122	B1/23/122
18	TA23	Vũ Thị Trà My	08/06/2002	Bắc Giang	Nữ	D - QLĐĐ11A	21D0484QLD	157	146	156	102	140	B1	B100123	B1/23/123
19	TA24	Bùi Thị Bích Ngọc	28/05/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0517KTO	157	150	148	140	149	B1	B100124	B1/23/124
20	TA25	Đoàn Thị Ánh Ngọc	05/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	D - KETOAN11A	21D0518KTO	157	152	156	147	153	B1	B100125	B1/23/125
21	TA27	Đỗ Hùng Phi	03/11/2003	Hà Nội	Nam	D - KETOAN11A	21D0521KTO	150	146	140	140	144	B1	B100126	B1/23/126

22	TA28	Nguyễn Sỹ	Phương	15/10/2003	Bình Phước	Nam	D - KETOAN11A	21D0522KTO	157	150	144	109	140	B1	B100127	B1/23/127
23	TA29	Nguyễn Đức	Quân	19/10/2003	Bắc Giang	Nam	D - KETOAN11A	21D0523KTO	157	148	152	130	147	B1	B100128	B1/23/128
24	TA30	Hoàng Xuân	Quý	20/01/2003	Lạng Sơn	Nam	D - THUY11A	21D0647THY	160	142	152	133	147	B1	B100129	B1/23/129
25	TA31	Lợi Quý	Quyền	19/02/2000	Hà Nội	Nam	D - THUY11A	21D0649THY	160	160	156	153	157	B1	B100130	B1/23/130
26	TA32	Nguyễn Xuân	Quyền	27/12/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0648THY	160	135	148	123	142	B1	B100131	B1/23/131
27	TA33	Lạc Thanh	Tâm	10/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	D-NNTQ 11A	21D0059NTQ	150	148	160	113	143	B1	B100132	B1/23/132
28	TA34	Phan Văn	Tấn	01/01/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0650THY	157	146	148	109	140	B1	B100133	B1/23/133
29	TA35	Dương Ngô	Thành	01/09/2003	Bắc Giang	Nam	D - THUY11A	21D0652THY	157	144	152	109	140	B1	B100134	B1/23/134
30	TA36	Đỗ Thị	Thơm	27/08/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0524KTO	153	144	148	130	144	B1	B100135	B1/23/135
31	TA37	Lương Thị	Thúy	20/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0525KTO	160	144	152	140	149	B1	B100136	B1/23/136
32	TA38	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/02/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0527KTO	160	150	148	142	150	B1	B100137	B1/23/137
33	TA39	Thân Thị Kiều	Trang	05/01/2003	Bắc Giang	Nữ	D-NNTQ 11B	21D0088NTQ	153	144	152	137	147	B1	B100138	B1/23/138
34	TA40	Trần Thị Ngọc	Trâm	12/08/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	22D0531KTO	157	144	148	130	145	B1	B100139	B1/23/139
35	TA41	Nguyễn Đức	Tuấn	18/03/2003	Bắc Giang	Nam	D - KETOAN11A	21D0528KTO	157	154	144	133	147	B1	B100140	B1/23/140
36	TA42	Phan Minh	Tuệ	01/03/2003	Thái Bình	Nam	D - THUY11A	21D0654THY	140	150	148	120	140	B1	B100141	B1/23/141
37	TA43	Hà Trần Ngọc	Uyên	12/11/2003	Bắc Giang	Nữ	D - KETOAN11A	21D0529KTO	157	152	165	140	153	B1	B100142	B1/23/142

Tổng số thí sinh theo danh sách: 37./.